

HƯỚNG DẪN

Về việc điều chỉnh dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 4827/LĐTBXD-LĐTL ngày 01/12/2016 Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về việc xác định chi phí tiền lương theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015.

Sở Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị theo Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi công bố kèm theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Xác định giá nhân công

1.1. Nguyên tắc xác định và điều chỉnh đơn giá nhân công

a) Giá nhân công được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH.

b) Đơn giá nhân công được điều chỉnh khi mức lương cơ sở (ML_{cs}) do Chính phủ quy định điều chỉnh theo từng thời kỳ.

1.2 Mức lương cơ sở để xác định đơn giá nhân công (ML_{cs})

Theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang: $ML_{cs} = 1.390.000$ đồng/tháng.

1.3. Cấp bậc, hệ số lương, nhóm công việc của công nhân trực tiếp sản xuất cung cấp dịch vụ công ích đô thị: Theo quy định tại Khoản 6 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH.

1.4. Xác định đơn giá nhân công

$$G_{NC} = \frac{(H_{cb} + H_{pckv}) \times ML_{cs} \times (1 + H_{đc})}{26}$$

Trong đó:

G_{NC} : Đơn giá nhân công tính cho một ngày công.

ML_{cs} : Mức lương cơ sở.

H_{cb} : Hệ số lương cấp bậc công việc bình quân theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Quảng Ngãi (nếu có) ban hành trên cơ sở cấp bậc, hệ số lương, nhóm công việc quy định tại mục 1.3.

H_{pckv} : Hệ số phụ cấp khu vực 7 mức: 0,1; 0,2; 0,3; 0,4; 0,5; 0,7 và 1,0 áp dụng đối với người lao động làm việc ở địa bàn mà Nhà nước quy định cán bộ, công chức làm việc ở địa bàn này được hưởng phụ cấp khu vực.

$H_{đc}$: Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương. $H_{đc}$ xác định theo bảng sau:

TT	Huyện, vùng	Hệ số điều chỉnh $H_{đc}$
1	Thành phố Quảng Ngãi và các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh (Vùng III)	0,7
2	Các huyện còn lại (Vùng IV)	0,5

Ghi chú: Tiền ăn ca của lao động trực tiếp sản xuất đã bao gồm trong chi phí chung, do đó không tính trong đơn giá nhân công nêu trên (Theo Thông tư số 06/2008/TT-BXD).

2. Chi phí nhân công và hệ số điều chỉnh nhân công khi lập dự toán theo Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị do UBND tỉnh công bố

- Chi phí nhân công khi lập dự toán theo đơn giá (CPNC) bằng chi phí nhân công trong Bộ đơn giá công bố theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh (NC) nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (K_{NC}).

$$CPNC = NC \times K_{NC}$$

Hệ số K_{NC} phụ thuộc vào vùng (III hoặc IV), hệ số phụ cấp khu vực và tra theo bảng sau:

Hệ số phụ cấp khu vực	0	0,1	0,2	0,3	0,4	0,5
Hệ số K_{NC} Vùng III	1,370	1,428	1,486	1,544	1,603	1,661
Hệ số K_{NC} Vùng IV	1,209	1,260	1,311	1,363	1,414	1,465

3. Chi phí máy và phương pháp tính toán điều chỉnh chi phí máy khi lập dự toán theo đơn giá do UBND tỉnh công bố

Đối với dịch vụ công ích đô thị thực hiện tại các vùng III, vùng IV; khi lập dự toán theo đơn giá thì chi phí máy (CPM) trong dự toán lập theo Bộ đơn giá do UBND tỉnh công bố, tham khảo cách tính sau:

$$CPM = CPM^{DG} + \sum_{i=1}^n C_A^i \times [M_{TL}^i \times (K_{NC} - 1) + M_{NL}^i \times (G_2^i - G_1^i) \times K_P]$$

Trong đó:

- + CPM^{DG} : Tổng chi phí máy theo Bộ đơn giá đã công bố;
- + C_A^i : Số ca máy của loại máy thứ i ;
- + M_{TL}^i : Hao phí tiền lương thợ điều khiển máy của loại máy thứ i tại cột 7 Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Quyết định số 402/QĐ-UBND);
- + K_{NC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công ca máy, tính theo mục 2 Hướng dẫn này;
- + M_{NL}^i : Định mức nhiên liệu, năng lượng của loại máy thứ i tại cột 3 Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Quyết định số 402/QĐ-UBND);
- + G_1^i : Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT) tại thời điểm xây dựng Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Quyết định số 402/QĐ-UBND);
- + G_2^i : Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT) tại thời điểm lập, điều chỉnh dự toán;
- + K_P : Hệ số chi phí nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho một ca máy làm việc.

TT	Tên nhiên liệu, điện năng	ĐVT	Hệ số nhiên liệu phụ K_P	G_1^i (đồng) (402/QĐ-UBND)
1	Xăng E5 RON 92	Lít	1,01	12.955
2	Dầu Diesel 0,05S	Lít	1,02	10.600
3	Điện	kWh	1,03	1622

4. Các chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức được tính bằng định mức tỷ lệ (%) theo quy định tại Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hướng dẫn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị sử dụng nguồn vốn khác áp dụng hướng dẫn này để điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công.

5.2. Hướng dẫn này áp dụng kể từ ngày 01/7/2018 và thay thế các nội dung liên quan đến điều chỉnh dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị đã Hướng dẫn tại Công văn số 98/HD-SXD ngày 12/01/2017 của Sở Xây dựng.

5.3. Việc điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị đối với khối lượng thực hiện kể từ ngày 01/7/2018 được thực hiện như sau:

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức đấu thầu thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo Luật đấu thầu và các văn bản có liên quan.

b) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức đặt hàng thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

c) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức giao kế hoạch thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

5.4. Kể từ ngày 01/7/2018 việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo Bộ đơn giá công bố theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy theo Hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thành phố;
- BQL KKT D.Quất và các KCN Q.Ngãi;
- Các Sở, ban ngành và các chủ đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang tin Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VL_{Kh}.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phong